TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:177/2025/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 8 năm 2025
V/v tranh chấp về HN & GĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới và ông Trần Viết Ty.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thanh Hoá mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2025/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 143/2025/QĐXX-ST ngày 29 tháng 7 năm 2025 giữa:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị L, sinh năm 1992, (vắng mặt).

Số CCCD: 044192001926, cấp ngày 27/02/2019.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ hiện nay: Thôn H, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang sinh sống tại 10178, Grunerstraße 20,10179 B, Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: chị Phạm Thị H, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: TDP H, phường H, thị xã N, Thanh Hóa

Địa chỉ hiện nay: TDP H, phường N, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Bị đơn:*** Anh Lê Sỹ T, sinh năm 1992, (vắng mặt).

Số CCCD: 038092046377, cấp ngày 06/7/2025.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ hiện nay: Thôn H, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Sỹ T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do công việc bận rộn, giữa vợ chồng không có nhiều thời gian dành cho nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã được gia đình hai bên, người thân và bạn bè khuyên giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2017 chị sang Đ xuất khẩu lao động và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là cháu Lê Thị Khánh N sinh ngày 19/9/2013 hiện nay cháu đang ở cùng anh T. Ly hôn, chị đề nghị giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Sỹ T trình bày: Anh thống nhất ý kiến chị L về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Nay chị L xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thị Khánh N sinh ngày 19/9/2013, hiện nay cháu N đang ở với anh. Ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi con, yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai cháu Lê Thị Khánh N trình bày: Nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hóa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 56, 81,82 và 83 Luật HN & GĐ; Điều 37, khoản 4 Điều 147, của BLTTDS, chấp nhận đơn khởi kiện, xử cho chị L được ly hôn anh T. Giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị L và anh T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn có địa chỉ trước khi xuất cảnh là thôn H, phường Đ, tỉnh Thanh Hóa, nơi cư trú hiện nay là Đ. Anh T1 hiện tại cư trú tại phường Đ, tỉnh Thanh Hóa. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị L vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với anh T1 cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh, chị.

[2]. Xét nội dung khởi kiện của chị Trần Thị L.

[2.1] Về hôn nhân: Chị L và anh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào năm 2013, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do giữa vợ chồng không có nhiều thời gian dành cho nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình hai bên, người thân và bạn bè khuyên giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Năm 2017 chị L sang Đức làm việc và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh T1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nên căn cứ Điều 56 Luật HN & GĐ, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

[2.2] Về con chung: Chị L anh T1 có 01 con chung là cháu Lê Thị Khánh N sinh ngày 19/9/2013, hiện nay cháu N đang ở với anh T1. Anh T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng. Xét thấy hiện nay cháu N đang học tập và sinh sống ổn định cùng bố và ông bà nội, chị L đang làm việc tại nước ngoài. Cháu N cũng có nguyện vọng ở cùng bố. Việc anh T1 yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ, chị L cũng đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật HN & GĐ, giao cháu N cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng. Chị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; Các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật HN & GĐ. Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị L.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị L được ly hôn anh Lê Sỹ T.

2. Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Lê Thị Khánh N sinh ngày 19/9/2013. Giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 5.000.000đ, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9

năm 2025 cho đến khi cháu Ngọc thành N1. Chị L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí HN sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng định kỳ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Biên lai thu số 0000882 ngày 04/6/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Án phí chị L còn phải nộp là 300.000đ.

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 1 tháng, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND P. Đông Sơn, TH;
- Nguyên đơn, ng ĐD; bị đơn;
- Lưu HSVA; TATH.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thị Hà